TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 87/2020/QĐST-DS	*Thành phố Huế, ngày 01 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 79/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: 2C P, phường Nguyễn Thái B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang L; chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo Uỷ quyền: Ông Nguyễn Phúc M; chức vụ: Quyền giám đốc Ngân hàng TMCP S (Theo giấy ủy quyền số 675/GUQ-SGB của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP S ngày 25/12/2019).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984; chức vụ: Nhân viên phòng kinh doanh (Theo giấy ủy quyền số 07/GUQ-SGB-CN HE ngày 06/5/2020).

Địa chỉ: 50 H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Lương B, sinh năm 1950, bà Trần Thị L, sinh năm 1957; Địa chỉ: 44/187 H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ: Vợ chồng ông Nguyễn Lương B và bà Trần Thị L công nhận còn nợ của Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/6/2020 là 3.088.646.855 đồng (Trong đó nợ gốc: 2.800.000.000 đồng, nợ lãi: 288.646.855 đồng).

2.2. Về phương thức trả nợ: Vào ngày 22/8/2020 ông Nguyễn Lương B và bà Trần Thị L phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/6/2020 là 3.088.646.855 đồng (Trong đó nợ gốc: 2.800.000.000 đồng, nợ lãi: 288.646.855 đồng)

Ông Nguyễn Lương B và bà Trần Thị L tiếp tục trả tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc theo lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 24/6/2020 cho đến khi tất toán xong khoản vay.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực mà ông Nguyễn Lương B, bà Trần Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì bên Ngân hàng TMCP S có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay được mô tả theo các hợp đồng thế chấp đã ký là: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 109/19 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là 44/187 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế). Theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 330118, hồ sơ gốc số 64/01/115 do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 19/06/2000, để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Trường hợp sau khi bán tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán số tiền nợ nêu trên thì ông Nguyễn Lương B và bà Trần Thị L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi hết nợ.

3. Về án phí tranh chấp: Là 72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng . Nhưng do các bên đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trước khi mở phiên toà nên được giảm ½ án phí, số tiền án phí đương sự phải chịu của giá trị tranh chấp là: [72.000.000 đồng+ (1.088.646.855 x 2%)]/2= 46.886.468 đồng. Các bên đương sự thỏa thuận Ông Nguyễn Lương B, bà Trần Thị L chịu toàn bộ số tiền án phí tranh chấp là: 46.886.468 đồng.

Tại thời điểm lập biên bản ông Nguyễn Lương B 70 tuổi, bà Trần Thị L, 63 tuổi. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Lương B, bà Trần Thị L được miễn phần án phí của ông bà là: 23.443.234 đồng (46.886.468 đồng/2). Ông Nguyễn Lương B, bà Trần Thị L phải chịu số tiền án phí là: 23.443.234 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 45.619.000 đồng tại biên lai số AA/2013/009695 ngày 27/3/2020 của Chi cục thi hành án thành phố Huế.

- Về chi phí thẩm định: Các đương sự thỏa thuận Ngân hàng TMCP S tự chịu và đã nộp đủ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu KDTM.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi